

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số /CDCT ngày / /
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung)

Tên ngành, nghề: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành, nghề: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sống theo hiến pháp và pháp luật.

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc, địa phương trong từng giai đoạn lịch sử.

- Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đảm bảo đáp ứng yêu cầu

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các vấn đề về công nghệ thông tin cơ bản như: Máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng công nghệ thông tin (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point), an toàn máy vi tính, các vấn đề liên quan đến pháp luật trong công nghệ thông tin;

+ Trình bày được các khái niệm về môi trường, ô nhiễm môi trường và sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên;

+ Trình bày được các yếu tố thích nghi và hội nhập môi trường làm việc quốc tế.

+ Nêu được các phương pháp rèn luyện nhằm tìm ra các phương án giải quyết vấn đề hiệu quả. Mô tả được các công cụ cơ bản để xây dựng các dự án khởi nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân.

+ Trình bày và diễn giải được những vấn đề cơ bản về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Biết được các phương pháp rèn luyện thể chất; kiến thức cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng – An ninh. Có nhận thức đúng đắn về chủ quyền, an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Có kiến thức về doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, pháp luật, kinh tế- xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp;

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế xã hội và các chế độ liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp;

+ Nhận biết, lý giải và vận dụng được hệ thống kiến thức chuyên ngành về quản lý, điều hành sản xuất, tài chính, nhân sự, marketing.

- Về kỹ năng:

+ Rèn luyện sức khỏe, bảo đảm an toàn lao động;

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản, gồm: Soạn thảo văn bản cơ bản, sử dụng bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu và internet cơ bản;

+ Sử dụng tiếng Anh ở cấp độ bậc 2 (A2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng mềm, kinh tế số, tư duy khoa học và công nghệ để ứng dụng trong học tập và cuộc sống.

+ Có khả năng hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ.

+ Có khả năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án tác nghiệp trong kinh doanh

+ Có kỹ năng tác nghiệp, cụ thể như: đàm phán, thương lượng, thuyết phục được khách mua hàng, thâm nhập thị trường, xử lý phân mềm chuyên dụng SPSS trong phân tích khách hàng.

+ Có khả năng xử lý các tình huống trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

+ Có khả năng cung cấp thông tin và tham mưu cho lãnh đạo về lĩnh vực chuyên môn được đảm nhận

+ Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

+ Có kỹ năng thu nhận, phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề, đủ khả năng xử lý công việc chuyên môn và tự nghiên cứu tìm hiểu các vấn đề thuộc chuyên môn một cách độc lập và khoa học;

+ Có các kỹ năng: kỹ năng xã hội, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và trình bày để làm việc hiệu quả trong nhóm ngành, chuyên ngành ở môi trường trong nước và quốc tế.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

+ Có tác phong chuyên nghiệp, phối hợp nhóm trong quá trình học tập và làm việc.

+ Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức và học lên các trình độ cao hơn.

+ Rèn luyện cho sinh viên tính siêng năng, chăm chỉ và có ý thức trong học tập. Yêu thích học phần, ngành học mà sinh viên đang theo học, tự tin trong thảo luận và trình bày các vấn đề về quản trị.

+ Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

1.2.2. Chính trị, đạo đức, thể chất và quốc phòng

- Trình bày và diễn giải được những vấn đề cơ bản về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Trình bày được các phương pháp rèn luyện thể chất, các kiến thức cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng – An ninh; Có nhận thức đúng đắn về chủ quyền, an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc;

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Làm việc với vai trò là nhân viên hoặc chuyên viên trong các phòng ban chức năng của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác như: Phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng tổ chức nhân sự, phòng marketing, phòng vật tư – sản xuất, phòng tổ chức hành chính.

- Làm việc với vai trò là trợ lý hoặc nhà quản trị trong các phòng ban chức năng của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- Làm nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh, nhân viên marketing, nhân viên nghiên cứu thị trường;

- Lập các loại kế hoạch hóa về vật tư, sản xuất, lao động, tiền lương ở cấp tổ, đội trong doanh nghiệp;

- Người học có thể quản lý các hoạt động liên quan ở cấp tổ, đội;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 38

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 94 Tín chỉ (bao gồm mục 31. và 3.2)

- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 435 giờ (kể cả 2 môn điều kiện)

- Khối lượng các môn học kỹ năng: 505 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.515 giờ

- Khối lượng lý thuyết:giờ ; Thực hành, Thực tập, Thí nghiệm:giờ

3. Nội dung chương trình

3.1. Các môn học chung, môn học/ mô đun đào tạo nghề

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số (tiết)	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	34	865			
I.1	Môn học bắt buộc	17	300	63	220	17
21.00.1.01	Pháp luật 1	1	15	9	5	1
21.00.1.02	Pháp luật 2	1	15	9	5	1
21.00.2.01	Chính trị 1	2	30	15	13	2
21.00.2.02	Chính trị 2	2	45	15	28	2

21.00.3.01	Tin học	3	75	15	57	3
21.00.4.01	Anh văn 1	2	45	0	42	3
21.00.4.02	Anh văn 2	2	45	0	42	3
21.00.4.03	Anh văn 3	1	30	0	28	2
I.2	Môn học đào tạo kỹ năng	17	505			
21.00.05	Tư duy sáng tạo	2	60			
21.00.06	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	60			
21.00.07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	2	45			
21.00.08	Công dân toàn cầu	3	90			
21.00.09	Kỹ năng mềm	2	45			
21.00.10	Kinh tế số	2	45			
21.00.11	Trải nghiệm phát triển bản thân	4	160			
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	51	1.395	311	1036	48
II.1	Các môn lý thuyết nghề	4	60	56	0	4
2120401001	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	28	0	2
2120401002	Tài chính doanh nghiệp	2	30	28	0	2
II.2	Các môn học, mô đun thực hành/ tích hợp nghề	39	975	255	676	44
2120402003	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
2120402004	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2
2120402005	Quản trị doanh nghiệp	3	60	30	28	2
2120402006	Tâm lý học	2	45	15	28	2
2120402007	Quản trị nguồn nhân lực	3	60	30	28	2
2120402008	Thực tập chuyên môn 1	2	90	0	86	4
2120402009	Nghiên cứu thị trường	2	45	15	28	2
2120402010	Quản trị bán hàng	2	45	15	28	2
2120402011	Tác nghiệp nghiệp vụ bán hàng	2	90	0	86	4
2120402012	Quản trị marketing	3	45	15	28	2

2120402013	Thực tập chuyên môn 2	2	90	0	86	4
2120402014	Quản trị sản xuất	2	45	15	28	2
2120402015	Lập kế hoạch kinh doanh	3	75	15	56	4
2120402016	Quản trị học	2	45	15	28	2
2120402017	Quản trị dự án	3	60	30	26	4
2120402018	Thương mại điện tử	2	45	15	28	2
2120402019	Ứng dụng Excel và SPSS trong kinh doanh	2	45	15	28	2
II.3	Thực tập doanh nghiệp	8	360	0	360	0
2120402020	Thực tập tại doanh nghiệp	8	360	0	360	0
III	Các môn học, mô đun tự chọn (nếu có)	6	135	45	84	6
2120402021	Hành vi khách hàng	2	45	15	28	2
2120402022	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	15	28	2
2120402023	Nghệ thuật lãnh đạo	2	45	15	28	2
Tổng cộng		91	2.395			

3.2. Các môn học điều kiện

Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
19.00.6.01	Giáo dục thể chất 1	1	30	5	23	2
19.00.6.02	Giáo dục thể chất 2	1	30	5	23	2
19.00.7	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	38	32	5
CỘNG		5	135	48	78	9

4. Kế hoạch giảng dạy (không tính học phần ngoại khóa).

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước
Học kỳ 1			17	
	Học phần bắt buộc		17	

1	MC.21.3	Tin học	3	
2	MC.21.4.1	Anh văn 1	2	
3	ĐK.19.6.1	Giáo dục thể chất 1	1	
4	2120401001	Văn hóa doanh nghiệp	2	
5	2120402003	Marketing căn bản	2	
6	2120402004	Kinh tế vi mô	2	
7	2120402005	Quản trị doanh nghiệp	3	2120402003
8	TC.21.00.05	Tư duy sáng tạo	2	
	Học phần tự chọn		0	
Học kỳ 2			19	
	Học phần bắt buộc		17	
1	MC.21.4.2	Anh văn 2	2	
2	21.00.6.02	Giáo dục thể chất 2	1	
3	2120402006	Tâm lý học	2	
4	2120402007	Quản trị nguồn nhân lực	3	
5	2120402008	Thực tập chuyên môn 1	2	2120402005; 2120402007
6	21.00.08	Công dân toàn cầu	3	
7	21.00.09	Kỹ năng mềm	2	
8	21.00.07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	2	
	Học phần tự chọn		2	
9	2120402021	Hành vi khách hàng	2	
Học kỳ 3			17	
	Học phần bắt buộc		17	
1	2120402009	Nghiên cứu thị trường	2	
2	2120402010	Nghiệp vụ bán hàng	2	2120402006; 2120402003
3	2120402011	Tác nghiệp nghiệp vụ bán hàng	2	2120402009
4	2120402012	Quản trị marketing	3	2120402006; 2120402003
5	2120402013	Thực tập chuyên môn 2	2	2120402006; 2120402003; 2120402011
6	TC.21.00.06	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	
7	2120402014	Quản trị sản xuất	2	
8	2120401002	Tài chính doanh nghiệp	2	

	Học phần tự chọn		0	
Học kỳ 4			15	
	Học phần bắt buộc		13	
1	21.00.10	Kinh tế số	2	
2	MC.19.1.2	Pháp luật 1	1	
3	MC.19.2.2	Chính trị 1	2	
4	21.00.11	Trải nghiệm phát triển bản thân	4	
5	2120402015	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
6	21.00.4.03	Anh văn 3	1	21.00.4.02
	Học phần tự chọn		2	
7	2120402022	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	
Học kỳ 5			16	
	Học phần bắt buộc		14	
	2120402016	Quản trị học	2	
	2120402017	Quản trị dự án	3	
	2120402018	Thương mại điện tử	2	
	2120402019	Ứng dụng Excel và SPSS trong kinh doanh	2	
	2120402020	Đàm phán trong kinh doanh	2	
	21.00.1.02	Pháp luật 2	1	21.00.1.01
	21.00.2.02	Chính trị 2	2	21.00.2.01
	Học phần tự chọn		2	
	2120402023	Nghệ thuật lãnh đạo	2	
Học kỳ 6			11	
	Học phần bắt buộc		11	
	2120402021	Thực tập tại doanh nghiệp	8	
	19.00.7	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Các môn học chung, kỹ năng

- Các môn học bắt buộc: Người học phải hoàn thành trong chương trình đào tạo. Các môn học này cố định

- Các môn kỹ năng: Các môn điều kiện được bố trí phù hợp trong chương trình do khoa đề xuất theo nguyên tắc:

+ Năm thứ nhất: Tư duy sáng tạo; Công dân toàn cầu; Kỹ năng mềm, Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên.

+ Năm thứ hai: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; Kinh tế số; Trải nghiệm phát triển bản thân.

+ Các môn học: Có thể được bố trí học ghép theo khoa, theo nhóm ngành tùy theo điều kiện cụ thể.

5.2. Các môn học, mô đun đào tạo nghề:

- Các môn học, mô đun bắt buộc phải được bố trí học theo từng kỳ phù hợp.
- Các môn học, mô đun tự chọn do Tổ bộ môn đề xuất nếu có sự thay đổi so với các môn học, mô đun đã ghi trong chương trình đào tạo.
- Trong năm học thứ 3, sinh viên có 1 học kỳ thực tập tại doanh nghiệp từ 3 – 4 tháng, có thể kéo dài hơn tùy theo tình hình thực tế và yêu cầu rèn luyện kỹ năng nghề cho người học.

5.3. Môn học điều kiện

- Là các môn học: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng –An ninh
- Là các môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy cho người học trong chương trình nhưng chỉ làm điều kiện để xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập theo học kỳ, năm học và khóa học.

5.4. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Tham gia các hoạt động Đoàn – Hội;
- Tham gia các Câu lạc bộ;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các đơn vị sản xuất;
- Triển khai các chuyên đề mới.

5.5. Các môn học thực tập tại doanh nghiệp:

TT	Tên môn học	Yêu cầu nội dung thực tập tại doanh nghiệp	Thời lượng (tuần)
01	Thực tập chuyên môn 1	Nghiêm túc, thực hiện đúng qui định doanh nghiệp	
02	Thực tập chuyên môn 2	Nghiêm túc, thực hiện đúng qui định doanh nghiệp	
03	Tác nghiệp nghiệp vụ bán hàng	Nghiêm túc, thực hiện đúng qui định doanh nghiệp	

Hướng dẫn thực hiện các môn học tại doanh nghiệp:

- Thực hiện theo yêu cầu môn học.
- Tuân thủ qui định doanh nghiệp, người hướng dẫn

5.6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

Đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học theo quy chế đào tạo hiện hành.

Điểm môn học bao gồm: điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 0.4 và điểm thi có trọng số 0.6.

- Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,0 trở lên

- Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: là số thứ tự môn học, mô-đun;

+ a_i: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;

+ n_i: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;

+ n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy.

5.7. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Người học được đào tạo theo phương thức tín chỉ không dự thi tốt nghiệp mà chỉ được xét tốt nghiệp nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ các môn học theo chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên (hoặc thang điểm 10 từ 5 trở lên).

- Có kết quả đạt yêu cầu đối với các môn học điều kiện: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh.

- Có chứng chỉ kỹ năng mềm (hoặc hoàn thành mức đạt môn học Giáo dục đạo đức và phát triển nghề nghiệp).

- Các tiêu chí về ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầy ra.

5.8. Các chú ý khác